



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

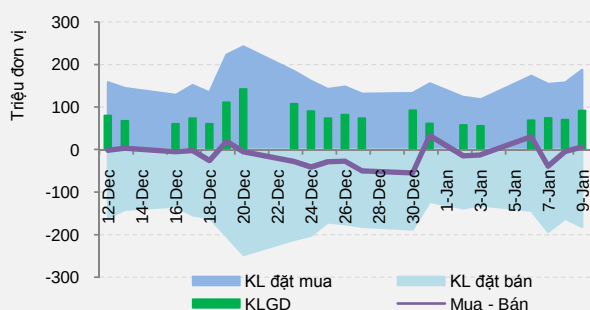
Phiên giao dịch ngày:

9/1/2014

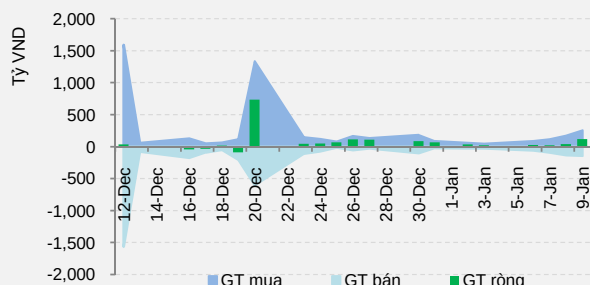
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	517.0	71.2
% Thay đổi	↑ 0.6%	↑ 1.7%
KLGD (CP)	91,486,106	79,033,064
GTGD (tỷ đồng)	1,356.21	638.07
Tổng cung (CP)	181,178,260	121,891,500
Tổng cầu (CP)	187,064,050	120,019,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,803,190	685,700
KL mua (CP)	6,782,260	1,782,100
GTmua (tỷ đồng)	255.79	18.90
GT bán (tỷ đồng)	139.84	6.06
GT ròng (tỷ đồng)	115.96	12.84

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.94%	7.3	1.7	1.6%
Công nghiệp	↑ 1.50%	267.3	1.2	27.2%
Dầu khí	↑ 2.28%	8.6	1.7	6.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.96%	14.8	2.0	3.6%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.26%	9.0	2.9	0.9%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.24%	12.3	4.9	9.2%
Ngân hàng	↑ 0.30%	10.9	1.3	5.0%
Nguyên vật liệu	↑ 0.61%	10.8	2.1	7.5%
Tài chính	↑ 1.16%	17.5	2.4	31.1%
Tiền tệ Cộng đồng	↑ 0.79%	9.3	3.4	7.9%
VN - Index	↑ 0.60%	12.3	2.9	69.1%
HNX - Index	↑ 1.67%	18.1	1.8	30.9%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,114,020	1.2%	834,500	0.9%
GTGD (tỷ VND)	26,117	1.9%	25,387	1.9%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp phiên tăng điểm với thanh khoản tăng so với phiên trước. Mức độ tăng mạnh dần về cuối phiên, độ rộng thị trường có cải thiện tốt so với phiên trước. Với phiên tăng điểm này, chỉ số VN-Index đã tăng qua mức cao nhất đã thiết lập trong xu hướng tăng từ tháng 9/2013, cho tín hiệu tích cực về kỹ thuật. Chỉ số VN-Index đang trong chiều hướng tăng, trong kênh tăng giá thiết lập từ tháng 10/2013. Ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng đối với thị trường là đường biên trên của kênh giá, tương đương khoảng 525-530 điểm. Dòng tiền dự báo tiếp tục xu hướng phân hóa, tập trung vào nhóm cổ phiếu Bluechips midcap đầu ngành, cổ phiếu được hưởng lợi từ quyết định nới room, cổ phiếu thuộc ngành nghề kỳ vọng khả quan năm 2014 như xuất khẩu, xây dựng hạ tầng, BĐS... Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, việc mua vào nên ưu tiên cổ phiếu có thời gian tích lũy, được dòng tiền quan tâm, không mua đuổi cổ phiếu đã tăng nóng.

Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm mạnh với thanh khoản tăng đột biến so với phiên giao dịch trước. Với phiên tăng điểm hôm nay, HNX-Index đã tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật đường biên trên của kênh giá. Lượng cung giá cao tiếp tục gia tăng, tuy nhiên lực cầu mua vào vẫn khá tích cực. Chỉ số HNX-Index cho tín hiệu lạc quan về kỹ thuật với ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng là khoảng 73 điểm, tương đương mức mở rộng 100% của đường Fibonacci Projection, về từ xu hướng tăng cuối tháng 11/2012. Với thực tế dòng tiền tại sàn HNX có sự tập trung vào một nhóm nhỏ cổ phiếu dự kiến có triển vọng trong năm 2014 (dầu khí, xây dựng, tài chính), đây chỉ số chung tăng khá nóng, chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ có nhịp điều chỉnh khi tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật. Với quan điểm ngắn hạn, nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, nhằm chủ động với diễn biến thị trường tại ngưỡng kháng cự. Xu hướng tăng điểm trong trung dài hạn vẫn đang duy trì.

- VN-Index tăng 3.08 điểm (0.60%), lên 516.98 điểm, mức cao nhất thiết lập trong phiên.

- HNX-Index tăng 1.17 điểm (1.68%), lên 71.16 điểm, mức cao nhất thiết lập trong phiên.

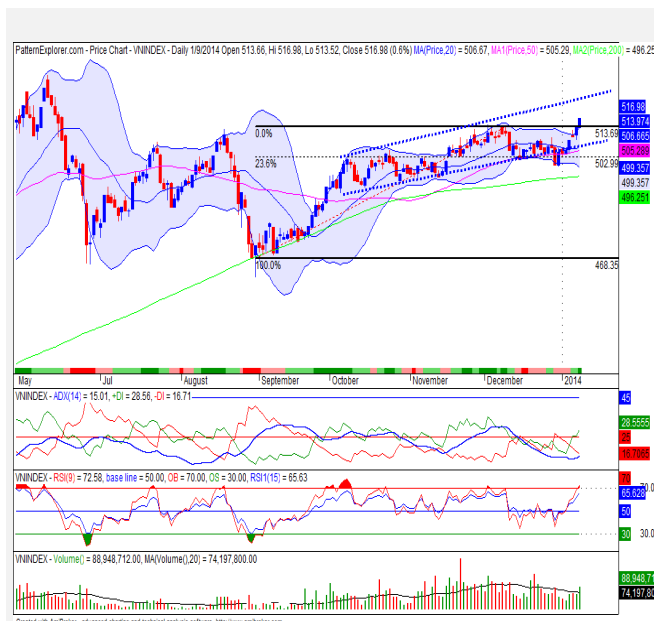
- Biên bản họp FOMC Tháng 12 của Cục dự trữ Liên bang Mỹ FED và số liệu việc làm tháng 12 tăng vượt dự đoán khiến nhà đầu tư quan ngại FED sẽ đẩy nhanh hơn lộ trình cắt giảm quy mô chương trình kích thích kinh tế QE3. Theo biên bản cuộc họp, FED cho rằng kinh tế Mỹ không còn được hưởng lợi nhiều từ chương trình mua trái phiếu hàng tháng, đa số thành viên của FED tán thành việc thu hẹp quy mô gói QE, trong đó có chủ tịch FED hiện thời và chủ tịch FED nhiệm kỳ tiếp theo, bà Janet Yellen. Tuy nhiên, trả lời phỏng vấn Bloomberg, đa số chuyên gia được hỏi đánh giá việc giảm quy mô gói QE vẫn được thực hiện theo lộ trình, khoảng Tháng 6/2014.

- Các ngân hàng hàng đầu Phố Wall khuyến nghị nên bán tài sản tại các thị trường mới nổi, khi các thị trường này dự báo chịu ảnh hưởng nhiều nhất khi FED thu hẹp gói QE. Việt Nam không nằm trong danh sách các quốc gia chịu ảnh hưởng mạnh bởi xu hướng rút vốn ròng từ khối ngoại. Mặt khác, việc FED tuyên bố rời rạc quan điểm giảm quy mô gói QE từ tháng 5, giúp nhà đầu tư có thời gian đánh giá và hành động, sẽ giảm tác động của quyết định trên khi đi vào thực hiện trên thực tế.

- Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng tăng trở lại ở tất cả các kỳ hạn, đặc biệt ở kỳ hạn ngắn, khi thời điểm Tết nguyên đán đang đến gần. Tuy nhiên, thanh khoản toàn hệ thống Ngân hàng vẫn dồi dào, lượng vốn NHNN bơm qua thị trường mở chỉ ở mức khiêm tốn. Tính đến ngày 9/1/2014, khối lượng OMO còn lưu thông chỉ đạt 6,486 tỷ đồng. Lượng tín phiếu NHNN đáo hạn cũng là yếu tố hỗ trợ thanh khoản hệ thống Ngân hàng. Hiện hệ thống Ngân hàng còn 29,669 tỷ đồng tín phiếu chưa đáo hạn.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Đi ngang	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 3.08 điểm (0.60%), lên 516.98 điểm, mức cao nhất thiết lập trong phiên.

- KLGD tăng 29% so với phiên trước, lên 88.9 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 66 điểm, động lực thị trường tiếp tục cải thiện. Chỉ báo MACD 9 ngày tiếp tục nới rộng khoảng cách phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp phiên tăng điểm mạnh với thanh khoản tăng so với phiên trước. Mức độ tăng mạnh dần về cuối phiên, độ rộng thị trường có cải thiện đáng kể so với phiên trước. Với phiên tăng điểm này, chỉ số VN-Index đã tăng qua mức cao nhất đã thiết lập trong xu hướng tăng từ tháng 9/2013, cho tín hiệu tích cực về kỹ thuật.

Chỉ số VN-Index đang trong chiều hướng tăng giá, trong kênh tăng giá hẹp thiết lập từ tháng 10/2013. Ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng đối với thị trường là đường biên trên của kênh giá, tương đương khoảng 525 điểm.

Dòng tiền dự báo tiếp tục xu hướng phân hóa, tập trung vào nhóm cổ phiếu Bluechips midcap đầu ngành, cổ phiếu được hưởng lợi từ quyết định nới room, cổ phiếu thuộc ngành nghề kỳ vọng khả quan năm 2014 như xuất khẩu, xây dựng hạ tầng, BĐS...

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 1.17 điểm (1.68%), lên 71.16 điểm, mức cao nhất thiết lập trong phiên.

- KLGD tăng mạnh 42% so với phiên giao dịch trước, lên 77 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 tiếp tục tăng lên mức 81 điểm, tiến sâu vào mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày tiếp tục nới rộng khoảng cách phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm mạnh với thanh khoản tăng đột biến so với phiên giao dịch trước. Với phiên tăng điểm hôm nay, HNX-Index đã tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật đường biên trên của kênh giá, đã tăng được hỗ trợ chủ yếu từ nhóm cổ phiếu đầu khí. Lượng cung giá cao tiếp tục gia tăng, tuy nhiên lực cầu mua vào vẫn khá tích cực.

Chỉ số HNX-Index cho tín hiệu khá tích cực về kỹ thuật với ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng là khoảng 73 điểm, tương đương mức mở rộng 100% của đường Fibonacci Projection, về từ xu hướng tăng cuối tháng 11/2012. Với thực tế dòng tiền tại sàn HNX có sự tập trung vào một nhóm nhỏ cổ phiếu dự kiến có triển vọng trong năm 2014 (dầu khí, xây dựng, tài chính), đây chỉ số chung tăng khá nóng, chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ có nhịp điều chỉnh khi tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật. Với quan điểm ngắn hạn, nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, nhằm chủ động với diễn biến thị trường tại ngưỡng kháng cự. Xu hướng tăng điểm trong trung dài hạn vẫn đang duy trì.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	219.0%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	1278.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	4900.0%
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	2949.0%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	4492.0%
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	1130.0%
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	3879.0%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	4900.0%
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	2329.0%
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	4503.0%

CỔ PHIẾU CÓ KẾT QUẢ KINH DOANH LỖ TRONG 2 NĂM LIÊN TIẾP VÀ 9T/2013

STT	Mã	Sàn	LNST 2011	LNST 2012	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2012	LNSTQ2 (tỷ)	% so Q2.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	LNST 9T (tỷ)	% so 9T.2012
1	GGG	HNX	(65.26)	(27.34)	0.07	100.8%	(7.05)	11.8%	(7.01)	6.8%	(13.99)	42.6%
2	HHL	HNX	(12.96)	(14.13)	(0.78)	80.5%	(2.89)	20.8%	(0.75)	48.3%	(4.42)	51.4%
3	ILC	HNX	(31.81)	(9.76)	(3.74)	-94.8%	(5.22)	31.9%	(3.41)	-1520.8%	(12.37)	-32.3%
4	KSD	HNX	(16.43)	(34.90)	(0.81)	95.9%	(1.62)	88.1%	1.11	223.3%	(1.32)	96.1%
5	MIC	HNX	(15.16)	(9.73)	0.16	106.0%	0.10	102.1%	(1.07)	-136.9%	(0.81)	82.4%
6	MMC	HNX	(2.78)	(3.96)	(2.74)	-3.4%	(1.04)	-79.3%	(1.17)	-20.6%	(4.95)	-17.9%
7	PHS	HNX	(47.39)	(101.47)	(2.27)	83.6%	(3.73)	89.8%	(8.13)	48.8%	(14.13)	78.7%
8	PVA	HNX	(2.16)	(144.87)	(2.43)	-169.8%	(16.29)	-1562.2%	(3.71)	70.9%	(22.43)	-118.8%
9	PVX	HNX	(19.12)	(1,338.39)	(31.87)	-578.5%	(1,194.45)	-151.7%	(173.22)	-1095.4%	(1,399.54)	-190.2%
10	S96	HNX	(46.90)	(5.15)	(0.79)	13.2%	(0.19)	79.3%	(0.31)	80.3%	(1.29)	62.1%
11	SDB	HNX	(28.93)	(35.74)	(8.37)	-46.8%	(14.75)	-38.6%	(9.89)	-5.2%	(33.01)	-28.2%
12	SDY	HNX	(17.88)	(4.83)	(4.01)	-56.0%	(3.68)	-183.1%	(0.81)	-143.1%	(8.50)	-327.1%
13	SHN	HNX	(146.02)	(127.02)	(2.70)	84.4%	(53.16)	22.0%	(6.75)	72.0%	(62.61)	42.9%
14	SJM	HNX	(8.38)	(11.54)	(0.91)	-175.8%	0.23	103.5%	0.07	102.3%	(0.61)	93.9%
15	VCV	HNX	(6.54)	(44.15)	(9.80)	-230.0%	(15.31)	-42.3%	(6.80)	30.7%	(31.91)	-35.6%
16	VHH	HNX	(3.77)	(1.34)	(1.98)	-275.2%	0.25	-51.9%	(1.29)	32.8%	(3.02)	-1018.5%
17	VTC	HNX	(7.55)	(3.28)	(2.53)	23.3%	(0.80)	28.6%	0.26	117.9%	(3.07)	47.7%

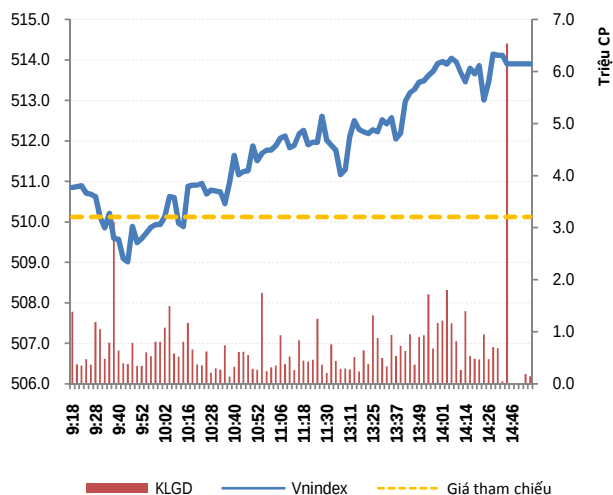
Ghi chú: Top cổ phiếu lợi nhuận chỉ lọc những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 11/12/2013

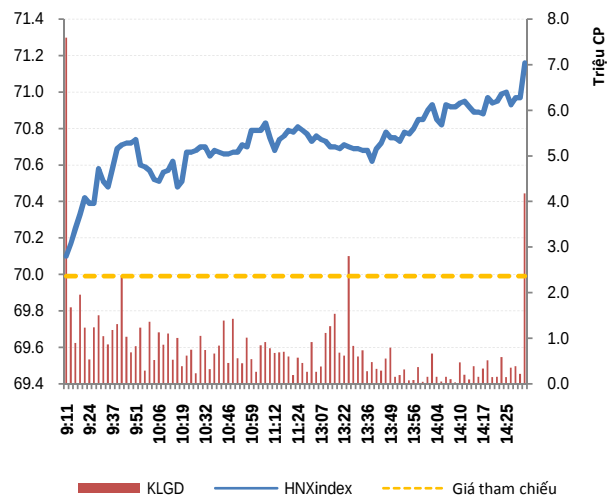
EPS tính theo 4 quý gần nhất, BVPS tính theo BCTC gần nhất



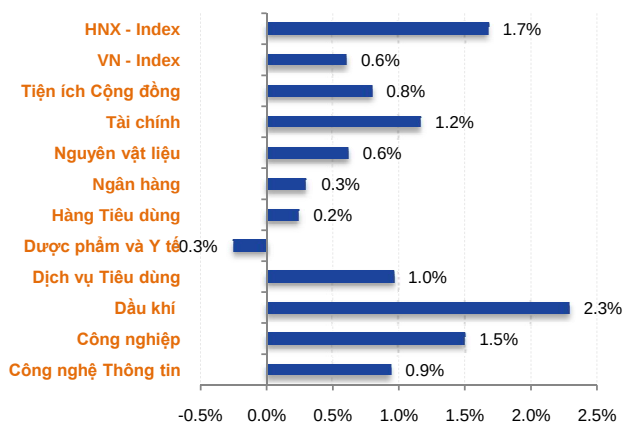
KLGD và VN-Index trong phiên



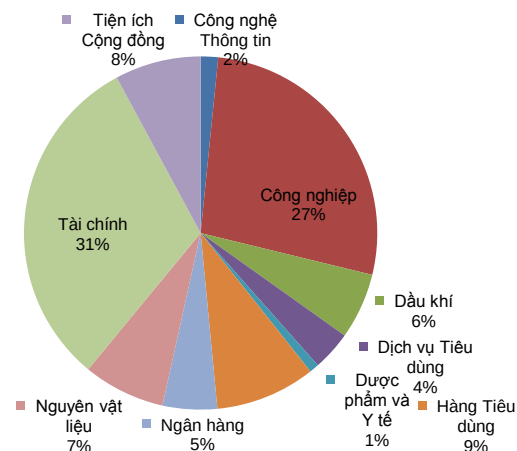
KLGD và HNX-Index trong phiên



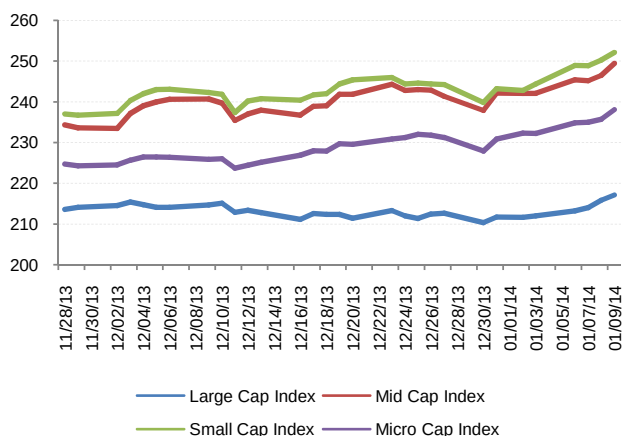
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



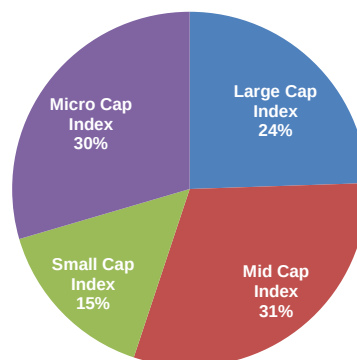
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VNS	1,097,270	EIB	216,890
2	HCM	287,740	STB	148,180
3	VSH	285,700	DRC	119,030
4	VCB	258,520	PET	80,290
5	PVT	199,880	LCG	76,900

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	697,700	IVS	150,000
2	PVS	243,700	BCC	117,200
3	KLS	229,300	PVL	31,000
4	BVS	59,000	EBS	25,000
5	VIG	40,000	PVC	24,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.4	6.5	↑ 1.56%	5,745,800
FLC	9.2	9.1	↓ -1.09%	5,446,080
SSI	19.0	19.5	↑ 2.63%	3,670,560
REE	30.4	32.0	↑ 5.26%	3,368,330
PVT	11.6	12.3	↑ 6.03%	3,319,310

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHN	5.0	5.4	↑ 8.60%	10,308,416
SHB	6.9	7.0	↑ 1.43%	5,925,716
PVX	3.3	3.2	↓ -1.82%	5,921,848
KLS	9.3	9.6	↑ 2.73%	4,686,110
VND	11.0	11.5	↑ 4.23%	4,294,570

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CTI	8.6	9.2	0.6	↑ 6.98%
PDR	14.4	15.4	1.0	↑ 6.94%
PTL	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
VLF	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
SII	16.0	17.1	1.1	↑ 6.88%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDC	6.4	7.4	1.0	↑ 15.63%
MIM	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
QCC	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
TTZ	4.1	4.5	0.4	↑ 9.56%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DAG	13.9	13.0	-0.9	↓ -6.47%
HTL	17.0	15.9	-1.1	↓ -6.47%
NHW	12.5	11.7	-0.8	↓ -6.40%
VOS	4.7	4.4	-0.3	↓ -6.38%
EVE	27.0	25.3	-1.7	↓ -6.30%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SJC	7.3	6.6	-0.7	↓ -9.36%
TXM	7.0	6.4	-0.6	↓ -9.16%
CSC	10.8	9.8	-1.0	↓ -9.05%
VAT	4.2	3.8	-0.4	↓ -8.38%
HTC	23.0	21.2	-1.8	↓ -7.83%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	5,745,800	0.2%	26	252.2	0.6
FLC	5,446,080	6.3%	990	9.2	0.6
SSI	3,670,560	9.9%	1,471	13.3	1.3
REE	3,368,330	23.6%	4,116	7.8	1.8
PVT	3,319,310	5.9%	680	18.1	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	10,308,416	-135.7%	(2,464)	-	6.6
SHB	5,925,716	17.1%	1,884	3.7	0.6
PVX	5,921,848	-92.1%	(5,013)	-	0.8
KLS	4,686,110	6.4%	810	11.8	0.7
VND	4,294,570	10.9%	1,305	8.9	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CTI	↑ 7.0%	4.5%	537	17.1	0.8
PDR	↑ 6.9%	0.4%	40	388.6	1.4
PTL	↑ 6.9%	-4.3%	(427)	-	0.3
VLF	↑ 6.9%	-18.8%	(2,390)	-	0.5
SII	↑ 6.9%	8.1%	880	19.4	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDC	↑ 15.6%	6.6%	1,254	5.9	0.4
MIM	↑ 10.0%	-11.4%	(1,366)	-	0.3
QCC	↑ 10.0%	1.2%	159	13.8	0.2
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
TTZ	↑ 9.6%	-0.2%	(21)	-	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VNS	1,097,270	22.1%	5,416	9.2	1.8
HCM	287,740	10.1%	1,736	15.0	1.6
VSH	285,700	7.7%	963	15.5	1.2
VCB	258,520	9.8%	1,757	16.1	1.6
PVT	199,880	5.9%	680	18.1	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	697,700	17.1%	1,884	3.7	0.6
PVS	243,700	17.3%	2,872	8.3	1.4
KLS	229,300	6.4%	810	11.8	0.7
BVS	59,000	6.9%	1,113	11.1	0.7
VIG	40,000	1.0%	62	56.2	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	128,860	40.9%	6,696	10.2	3.9
VNM	113,352	40.5%	8,053	16.9	6.7
VCB	65,583	9.8%	1,757	16.1	1.6
VIC	64,065	47.1%	6,710	10.5	3.9
MSN	62,467	2.7%	554	153.4	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,652	7.5%	1,027	15.5	1.1
PVS	10,676	17.3%	2,872	8.3	1.4
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
SHB	6,203	17.1%	1,884	3.7	0.6
OCH	5,540	5.9%	687	40.3	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	4.54	12.5%	1,402	6.3	0.7
PXM	3.79	670.8%	(12,445)	-	(0.3)
HAR	3.61	3.0%	306	26.8	0.8
VNE	3.09	0.4%	38	182.6	0.6
DIG	3.07	0.2%	28	453.3	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	7.34	-0.2%	(21)	-	0.4
SHN	4.93	-135.7%	(2,464)	-	6.6
HHL	4.48	-262.3%	(3,431)	-	4.2
PVA	4.47	-142.4%	(6,367)	-	0.9
GGG	4.32	-566.7%	(1,900)	-	768.6



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)